

CHẤT LƯỢNG GIẤC NGỦ VÀ CÁC YẾU TỐ LIÊN QUAN Ở SINH VIÊN Y HỌC DỰ PHÒNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRONG BỐI CẢNH ĐẠI DỊCH COVID-19 NĂM 2022

Lý Hòa Minh¹, Phạm Thị Vân Phương¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: Xác định tỉ lệ chất lượng giấc ngủ (CLGN) kém và các yếu tố liên quan ở sinh viên ngành Y học dự phòng Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh (ĐHYD TP HCM) năm 2022. **Đối tượng và phương pháp:** Nghiên cứu cắt ngang được thực hiện trên 570 sinh viên ngành Y học dự phòng, ĐHYD TP HCM. Chỉ báo chất lượng giấc ngủ Pittsburgh (PSQI) được dùng để đánh giá CLGN của sinh viên. **Kết quả:** Tỉ lệ CLGN kém ở sinh viên là 44%. Sinh viên năm 4 có tỉ lệ CLGN kém thấp hơn so với sinh viên năm 6; sinh viên học lực khá có tỉ lệ CLGN kém thấp hơn so với sinh viên xếp loại học lực trung bình và yếu; sinh viên đã từng hoặc hiện tại có triệu chứng nhiễm Covid-19 có tỉ lệ CLGN kém cao hơn so với sinh viên không có triệu chứng nhiễm Covid-19; sinh viên có quan hệ với bạn bè xung quanh kém có tỉ lệ CLGN kém cao hơn so với sinh viên có quan hệ với bạn bè xung quanh tốt; sinh viên có tiếng ồn trong phòng ngủ vào thời gian đi ngủ có tỉ lệ CLGN kém cao hơn so với sinh viên không có tiếng ồn trong phòng ngủ vào thời gian đi ngủ. **Kết luận:** Tỉ lệ CLGN kém ở sinh viên ngành Y học dự phòng, ĐHYD TP HCM khá cao. Năm học, xếp loại học lực, triệu chứng nhiễm Covid-19, quan hệ với bạn bè xung quanh và tiếng ồn trong phòng ngủ vào thời gian đi ngủ là các yếu tố liên quan với CLGN của sinh viên.

Từ khóa: chất lượng giấc ngủ, sinh viên Y học dự phòng, PSQI.

SUMMARY

SLEEP QUALITY AND RELATED FACTORS AMONG STUDENTS OF PREVENTIVE MEDICINE PHYSICIAN AT UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY AT HO CHI MINH CITY IN THE CONTEXT OF THE COVID-19 PANDEMIC IN 2022

Objective: Determine the overall prevalence of poor sleep quality and its related factors among students of preventive medicine physician at University of Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh City (UMP HCMC) in 2022. **Subjects and Methods:** A cross-sectional study was conducted in which 570 students of preventive medicine physician at UMP HCMC participated. The Pittsburgh sleep quality index scale (PSQI) was used to measure sleep quality of students.

¹Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh

Chịu trách nhiệm chính: Phạm Thị Vân Phương

Email: phamphuong@ump.edu.vn

Ngày nhận bài: 6.01.2023

Ngày phản biện khoa học: 23.2.2023

Ngày duyệt bài: 9.3.2023

Results: The prevalence of poor sleep quality among students was 44%. Research results show that the proportion of poor sleep quality of fourth-year students was lower than the proportion of sixth-year students; the proportion of poor sleep quality of students who got good scores was lower than the proportion of students who got average and poor scores; the proportion of poor sleep quality of students who used to be or currently infected with Covid-19 was lower than the proportion of students who not infected with Covid-19; the proportion of poor sleep quality of students who got poor social interaction was higher than the proportion of students who were good at social interaction; the proportion of poor sleep quality of students who had trouble sleeping due to noise was higher than the proportion of students who didn't have trouble sleeping due to noise. **Conclusion:** The prevalence of poor sleep quality among students of preventive medicine physician at UMP HCMC is pretty high. The academic year, classification of students based on their academic scores, Coronavirus symptoms, social interaction and the noise in bedroom at bedtime are factors related to sleep quality of student.

Keywords: sleep quality, students of preventive medicine physician, PSQI.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giấc ngủ có vai trò rất quan trọng đối với cuộc sống của con người nhưng ngày nay, các vấn đề về giấc ngủ ngày càng trở nên phổ biến. Ước tính có khoảng 150 triệu người trên toàn thế giới và gần 17% dân số ở các quốc gia đang phát triển đang gặp các vấn đề về giấc ngủ [5]. Việc không có được giấc ngủ tốt sẽ khiến con người cảm thấy mệt mỏi, nóng nảy, thiếu tập trung, khó đưa ra quyết định trong công việc, nguy cơ bị tai nạn tại nơi làm việc, trên đường lẫn ở nhà cũng tăng lên đáng kể [6].

Đại dịch Covid-19 xảy ra đã làm xáo trộn cuộc sống và ảnh hưởng đến mọi mặt đời sống xã hội của con người. Nhiều nghiên cứu cho thấy đại dịch Covid-19 diễn ra đã làm gia tăng các vấn đề về sức khỏe tâm thần, đặc biệt là vấn đề về CLGN [4],[7]. Trong đó, học sinh – sinh viên là một trong những đối tượng dễ có CLGN kém, nhất là sinh viên y khoa với đặc thù ngành học có khối lượng kiến thức lớn, áp lực học tập, thi cử lại nặng nề [2],[8].

Đại học Y dược Thành Phố Hồ Chí Minh là một trong những trung tâm đào tạo nhân lực y tế hàng đầu của Việt Nam, trong đó Y học dự phòng là ngành khá mới và nằm trong số ít

ngành của trường có thời gian đào tạo kéo dài. Cũng như các ngành đào tạo y khoa khác, sinh viên Y học dự phòng phải đối mặt với khối lượng kiến thức rất lớn với áp lực học tập, thi cử nặng nề. Đặc biệt, trong bối cảnh đại dịch Covid-19 bùng phát mạnh tại thành phố Hồ Chí Minh trong năm vừa qua, khiến cho lịch học của sinh viên bị đình trệ và phải chuyển sang hình thức học online. Những điều này có thể ảnh hưởng lớn đến hành vi và CLGN của sinh viên. Vì vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu nhằm khảo sát tỉ lệ CLGN kém và các yếu tố liên quan ở sinh viên ngành Y học dự phòng ĐHYD TPHCM trong bối cảnh đại dịch Covid 19.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Địa bàn và đối tượng nghiên cứu:

Đối tượng nghiên cứu là sinh viên ngành Y học dự phòng – ĐHYD TPHCM năm 2022. Sử dụng công thức tính cỡ mẫu cho nghiên cứu cắt ngang ước tính một tỉ lệ với tỉ lệ hiện mắc CLGN kém ước tính là $p = 44,5\%$ từ nghiên cứu trước [1], mức ý nghĩa thống kê $\alpha = 0,05$, sai số tuyệt đối $d = 0,05$, hệ số thiết kế $k = 1,5$ cho nghiên cứu chọn mẫu cụm, tính được cỡ mẫu tối thiểu là 569 sinh viên. Do số lượng sinh viên ngành Y học dự phòng - ĐHYD TPHCM là 620 gần bằng với cỡ mẫu dự tính do đó chúng tôi quyết định chọn mẫu toàn bộ sinh viên. Tổng cộng có 573 sinh viên tham gia nghiên cứu và có 570 sinh viên được phân tích trong bài báo này do loại trừ 3 trường hợp không trả lời đầy đủ các câu hỏi trong thang đo chất lượng giấc ngủ PSQI.

2.2. Phương pháp nghiên cứu: Thiết kế nghiên cứu cắt ngang, kỹ thuật chọn mẫu toàn bộ. Những đối tượng đồng ý tham gia nghiên cứu sẽ hoàn thành bộ câu hỏi soạn sẵn có cấu trúc. Thang đo PSQI được dùng để đánh giá CLGN của sinh viên. Phép kiểm chi bình phương hoặc Fisher được dùng để xác định mối liên quan. Khi mỗi liên quan có ý nghĩa thống kê thì tỉ số tỉ lệ hiện mắc (PR) với khoảng tin cậy 95% được sử dụng để lượng hóa mối liên quan. Mô hình hồi qui đa biến tổng quát được sử dụng để xác định các yếu tố thật sự có liên quan đến CLGN ở sinh viên. Số liệu được phân tích bằng phần mềm STATA 16.0. Nghiên cứu được thông qua bởi Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu y sinh học Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Đặc điểm dân số xã hội của sinh viên (n=570)

Đặc điểm	Số lượng
----------	----------

		(Tỷ lệ %)
Tuổi (năm)		22 (20-23)*
Giới tính	Nam	205 (36,0)
	Nữ	365 (64,0)
Dân tộc	Kinh	509 (89,3)
	Khác	61 (10,7)
Năm học	Năm 1	100 (17,5)
	Năm 2	105 (18,4)
	Năm 3	100 (17,5)
	Năm 4	79 (13,8)
	Năm 5	97 (17,0)
	Năm 6	89 (15,8)
Xếp loại học lực	Xuất sắc	11 (1,9)
	Giỏi	60 (10,5)
	Khá	313 (54,9)
	Trung bình và yếu	186 (32,7)

*trung vị (tứ phân vị)

Nhận xét: Sinh viên nữ chiếm tỉ lệ cao hơn sinh viên nam (64% so với 36%). Độ tuổi trung vị của sinh viên tham gia nghiên cứu là 22 tuổi. Đa số sinh viên là dân tộc Kinh (89,3%). Tỉ lệ sinh viên các năm phân bố khá đều, nằm trong khoảng từ 14% – 18%. Về học lực, hơn một nửa (54,9%) sinh viên có xếp loại học lực khá.

Bảng 2. Các yếu tố ảnh hưởng của dịch Covid-19 (n=570)

Yếu tố	Số lượng (Tỷ lệ %)	
Triệu chứng nhiễm Covid-19	Có	321 (56,3)
	Không	249 (43,7)
Người thân hoặc người quen bị nhiễm Covid-19	Có	499 (87,5)
	Không	71 (12,5)
Người thân hoặc người quen mất vì Covid-19	Có	134 (23,5)
	Không	436 (76,5)
Thu nhập gia đình giảm do dịch Covid-19	Có	467 (81,9)
	Không	103 (18,1)
Sợ bị nhiễm Covid-19	Có	445 (78,1)
	Không	125 (21,9)
Lo lắng do dịch Covid-19	Có	469 (82,3)
	Không	101 (17,7)
Thái độ tiêu cực đối với các biện pháp kiểm soát dịch bệnh Covid-19	Có	147 (25,8)
	Không	423 (74,2)
Tiếp xúc trực tiếp với người bị nhiễm hoặc nghi nhiễm Covid-19	Có	394 (69,1)
	Không chắc chắn	128 (22,5)
	Không	48 (8,4)

Nhận xét: Hơn một nửa sinh viên trong mẫu nghiên cứu đã từng có các triệu chứng nhiễm Covid-19 (56,3%). Đa số sinh viên cho biết có người thân hoặc người quen bị nhiễm Covid-19 (87,5%) và có 23,5% sinh viên có người thân hoặc người quen mất vì Covid-19. Bên cạnh đó, phần lớn sinh viên có thu nhập gia

đình giảm do dịch Covid-19 (81,9%). Đa phần sinh viên cho biết họ sợ bị nhiễm Covid-19 và lo lắng do dịch Covid-19 với tỉ lệ lần lượt là 78,1% và 82,3%. Ngoài ra, có 25,8% sinh viên có thái độ tiêu cực với các biện pháp kiểm soát dịch bệnh Covid-19 và 69,1% sinh viên từng tiếp xúc trực tiếp với người bị nhiễm hoặc nghi nhiễm Covid-19.

Bảng 3. Đặc điểm môi trường sống của sinh viên (n=570)

Đặc điểm		Số lượng (Tỷ lệ %)
Quan hệ với bạn bè xung quanh	Tốt	513 (90,0)
	Kém	57 (10,0)
Tiếng ồn trong phòng ngủ vào thời gian đi ngủ	Có	249 (43,7)
	Không	321 (56,3)
Nguồn gốc của những tiếng ồn vào thời gian đi ngủ (n=249)	Am thanh từ cuộc trò chuyện của người khác	171 (68,7)
	Tiếng va chạm của đồ vật, đồ đạc	154 (61,9)
	Tiếng bước chân	91 (36,6)
	Am thanh khác	35 (14,0)

Nhận xét: Về đặc điểm môi trường sống của người tham gia nghiên cứu, đa số sinh viên (90%) có quan hệ tốt với bạn bè xung quanh. Có khoảng gần một nửa số sinh viên (43,7%) trả lời có tiếng ồn trong phòng ngủ vào thời gian đi ngủ. Trong đó, nguồn gốc của những tiếng ồn vào thời gian đi ngủ chủ yếu là do âm thanh từ cuộc trò chuyện của người khác (68,7%) và tiếng va chạm của đồ vật, đồ đạc (61,9%).

Bảng 4. Đánh giá chất lượng giấc ngủ của sinh viên theo thang đo chất lượng giấc ngủ PSQI (n=570)

Đánh giá CLGN		Số lượng (Tỷ lệ %)
Điểm số CLGN		5 (3 – 8)*
Chất lượng giấc ngủ	Tốt	319 (56,0)
	Kém	251 (44,0)

*trung vị (tứ phân vị)

Nhận xét: Điểm số CLGN trung vị theo thang đo PSQI là 5. Kết quả của nghiên cứu cho thấy tỉ lệ sinh viên có CLGN kém khá cao với 44%.

Bảng 5. Các yếu tố liên quan đến chất lượng giấc ngủ hiệu chỉnh theo mô hình hồi quy đa biến (n=570)

Đặc tính		PR _{tho}	p _{hc}	PR _{hc} (KTC 95%)
Năm học	Năm 1	0,79	0,276	0,81 (0,56-1,18)
	Năm 2	1,35	0,342	1,16 (0,85-1,59)

	Năm 3	1,27	0,159	1,27 (0,91-1,76)
	Năm 4	0,61	0,002	0,50 (0,32-0,78)
	Năm 5	1,22	0,602	1,09 (0,79-1,50)
	Năm 6	1		1
Xếp loại học lực	Xuất sắc	1,20	0,089	1,46 (0,94-2,26)
	Giỏi	0,75	0,703	0,94 (0,67-1,32)
	Khá	0,73	0,012	0,78 (0,64-0,95)
	Trung bình và yếu	1		1
Triệu chứng nhiễm Covid-19	Có	1,39	0,006	1,33 (1,09-1,64)
	Không	1		1
Mối quan hệ với bạn bè xung quanh	Kém	2,02	<0,001	1,68 (1,37-2,05)
	Tốt	1		1
Tiếng ồn trong phòng ngủ vào thời gian đi ngủ	Có	1,39	0,049	1,20 (1,01-1,44)
	Không	1		1

*hc: hiệu chỉnh

Nhận xét: Có mối liên quan giữa CLGN kém với năm học, xếp loại học lực, triệu chứng nhiễm Covid-19, mối quan hệ với bạn bè xung quanh và tiếng ồn trong phòng ngủ vào thời gian đi ngủ (p<0,05). Sinh viên năm thứ 4 có tỉ lệ CLGN kém bằng 0,5 lần so với năm 6 (p=0,002). Sinh viên học lực khá có tỉ lệ CLGN kém bằng 0,78 lần sinh viên học lực trung bình và yếu (p=0,012). Sinh viên đã từng hoặc đang có triệu chứng nhiễm Covid 19 có tỉ lệ CLGN kém gấp 1,33 lần sinh viên không có triệu chứng nhiễm Covid 19 (p=0,006). Sinh viên có mối quan hệ kém với bạn bè có tỉ lệ CLGN kém gấp 1,68 lần sinh viên có mối quan hệ tốt (p<0,001). Sinh viên ở trong phòng ngủ có tiếng ồn có tỉ lệ CLGN kém gấp 1,2 lần sinh viên không có tiếng ồn trong phòng ngủ (p=0,049).

IV. BÀN LUẬN

Qua khảo sát các yếu tố ảnh hưởng của dịch Covid-19, có thể nhận thấy một số yếu tố chiếm tỉ lệ cao như đã từng hoặc đang có triệu chứng nhiễm Covid-19 (56,3%), có người thân hoặc người quen bị nhiễm Covid-19 (87,5%), thu nhập gia đình giảm do dịch Covid-19 (81,9%), sợ bị nhiễm Covid-19 (78,1%), lo lắng do dịch Covid-19 (82,3%), có tiếp xúc trực tiếp với người bị nhiễm hoặc nghi nhiễm Covid-19 (69,1%)

(bảng 2). Qua đó có thể thấy đại dịch Covid-19 không chỉ gây ảnh hưởng nặng nề đến mọi mặt của đời sống xã hội mà còn ảnh hưởng rất lớn đến tâm lý của người dân mà sinh viên ngành y cũng không phải là ngoại lệ. Đa phần sinh viên tham gia nghiên cứu không có thái độ tiêu cực đối với các biện pháp kiểm soát dịch bệnh Covid-19 (74,2%). Điều này có thể lý giải do đối tượng nghiên cứu là sinh viên ngành y nên hiểu rõ được tầm quan trọng của kiểm soát dịch bệnh. Do đó, khi chính phủ áp dụng các biện pháp kiểm soát dịch bệnh thì họ cũng hiểu rõ hơn và áp dụng các biện pháp cũng tốt hơn.

Kết quả từ nghiên cứu cho thấy đa số sinh viên có quan hệ tốt với bạn bè xung quanh với tỉ lệ 90% (bảng 3). Nghiên cứu cũng ghi nhận có 43,7% số sinh viên có tiếng ồn trong phòng ngủ vào thời gian đi ngủ. Trong đó, nguồn gốc của những tiếng ồn phổ biến nhất là âm thanh từ cuộc trò chuyện của người khác (68,7%), kể đến là tiếng va chạm của đồ vật, đồ đạc (61,9%) và tiếng bước chân (36,6%). Kết quả này cũng tương đồng với kết quả của nghiên cứu tại Cáp Nhĩ Tân, Trung Quốc khi báo cáo có 77,42% sinh viên bị quấy rầy bởi cuộc trò chuyện của bạn cùng phòng, còn tiếng ồn do các hoạt động của bạn cùng phòng gây ra chiếm tỉ lệ 67,74% [9].

Kết quả nghiên cứu cho thấy điểm số CLGN trung bình của sinh viên là 5, tỉ lệ sinh viên có CLGN kém trong mẫu nghiên cứu khá cao là 44% (bảng 4). Kết quả này là thấp hơn so với nghiên cứu tại trường Cao đẳng Y tế Ấn Độ khi ghi nhận tỉ lệ tương ứng là 47,8% [3]. Tuy nhiên, khi so với nghiên cứu tại trường Đại học Y Copperbelt, Zambia thì tỉ lệ này là cao hơn khi nghiên cứu tại Zambia ghi nhận chỉ có 38,7% sinh viên có CLGN kém [6].

Kết quả từ mô hình hồi quy đa biến cho thấy sinh viên năm 4 có tỉ lệ CLGN kém bằng 0,5 lần so với sinh viên năm 6. Việc sinh viên năm 6 có CLGN kém hơn có thể do đây là sinh viên năm cuối khóa nên họ thường xuyên đối mặt với những căng thẳng áp lực từ việc học hành thi cử. Đồng thời, áp lực từ việc sắp tốt nghiệp ra trường cũng như lo lắng về cơ hội việc làm cũng phần nào ảnh hưởng đến CLGN trên đối tượng này. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy sinh viên có xếp loại học lực khá có tỉ lệ CLGN kém bằng 0,78 lần so với sinh viên có xếp loại học lực trung bình và yếu. Các kết quả này có thể là do sinh viên có học lực thấp thường phải đối mặt với nhiều áp lực từ phía nhà trường, gia đình, bạn bè và chính bản thân họ khi kết quả học tập không như kỳ vọng và chính điều này đã ảnh

hưởng đến CLGN của họ. Bên cạnh đó, nghiên cứu chỉ ra những sinh viên có triệu chứng nhiễm Covid-19 có tỉ lệ CLGN kém gấp 1,34 lần so với sinh viên không có triệu chứng nhiễm Covid-19. Điều này có thể lý giải do dịch bệnh Covid-19 gây ra những hậu quả nặng nề cả về thể chất lẫn tinh thần của những người bị nhiễm nên việc xuất hiện các triệu chứng nhiễm Covid-19 sẽ có thể ảnh hưởng đến CLGN của họ. Ngoài ra, nghiên cứu cũng cho thấy sinh viên có quan hệ với bạn bè xung quanh kém có tỉ lệ CLGN kém gấp 1,66 lần so với sinh viên có quan hệ với bạn bè xung quanh tốt. Việc có quan hệ kém với bạn bè xung quanh sẽ có nhiều khả năng có CLGN kém có thể là do ảnh hưởng đến việc chia sẻ cảm xúc và suy nghĩ của sinh viên khi mà đối với cuộc sống học đại học thì bạn bè là người thường xuyên tiếp xúc và gần gũi với họ nhất. Cuối cùng, nghiên cứu cho thấy sinh viên có tiếng ồn trong phòng ngủ vào thời gian đi ngủ có tỉ lệ CLGN kém gấp 1,21 lần so với sinh viên không có tiếng ồn trong phòng ngủ vào thời gian đi ngủ. Kết quả này cũng tương đồng so với nghiên cứu tại Trung Quốc khi cho thấy tiếng ồn trong nhà là một trong những yếu tố môi trường có ảnh hưởng nhiều nhất đến CLGN của sinh viên khi làm phiền 50% số người tham gia nghiên cứu [9].

V. KẾT LUẬN

Nghiên cứu cho thấy tỉ lệ CLGN kém ở sinh viên Y học dự phòng là khá cao với 44%. Các yếu tố tìm thấy có mối liên quan với CLGN của sinh viên gồm năm học, xếp loại học lực, có triệu chứng nhiễm Covid-19, mối quan hệ kém với bạn bè xung quanh và có tiếng ồn trong phòng ngủ vào thời gian đi ngủ. Kết quả của nghiên cứu cho thấy nhà trường và gia đình cần có các giải pháp can thiệp để cải thiện CLGN của sinh viên. Trong đó, cố vấn học tập cần tư vấn kế hoạch học tập phù hợp cho sinh viên; tổ chức các buổi giao lưu giữa các khóa sinh viên để trao đổi kinh nghiệm học tập; tư vấn, trấn an những trường hợp sinh viên có triệu chứng nhiễm Covid 19. Gia đình cần quan tâm đến các mối quan hệ bạn bè và cuộc sống của các em, đặc biệt với các sinh viên phải sống xa nhà.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Thị Thuận, Nguyễn Thị Phương Thanh, Nguyễn Quang Hùng, Nguyễn Thị Thùy Linh. Thực trạng chất lượng giấc ngủ của sinh viên Y đa khoa trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2020. Tạp Chí Y học Dự phòng, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, 31 (1), Tr.203-209, 2020.

2. **A. I. Almojali, S. A. Almalki, A. S. Alothman, E. M. Masuadi, M. K. Alaqeel.** The prevalence and association of stress with sleep quality among medical students. *J Epidemiol Glob Health*, 7 (3), 169-174, 2017.
3. **B. Krishnan, R. K. Sanjeev, R. G. Latti.** Quality of Sleep Among Bedtime Smartphone Users. *Int J Prev Med*, 11, pp.114, 2020.
4. **C. K. Kaparounaki, M. E. Patsali, D. V. Mousa, E. V. K. Papadopoulou, K. K. K. Papadopoulou, K. N. Fountoulakis.** University students' mental health amidst the COVID-19 quarantine in Greece. *Psychiatry Res*, 290, 2020.
5. **H. Berhanu, A. Mossie, S. Tadesse, D. Geleta.** Prevalence and Associated Factors of Sleep Quality among Adults in Jimma Town, Southwest Ethiopia: A Community-Based Cross-Sectional Study. *Sleep Disorders*, 10, 2018.
6. **National Health Service.** Why lack of sleep is bad for your health. <https://www.nhs.uk/live-well/sleep-and-tiredness/why-lack-of-sleep-is-bad-for-your-health/>, Accessed on 01/09/2021.
7. **N. Cellini, F. Conte, O. De Rosa, F. Giganti, S. Malloggi, M. Reyt.** Changes in sleep timing and subjective sleep quality during the COVID-19 lockdown in Italy and Belgium: age, gender and working status as modulating factors. *Sleep Med*, 77, 112-119, 2021.
8. **Q. Huang, Y. Li, S. Huang, J. Qi, T. Shao, X. Chen.** Smartphone Use and Sleep Quality in Chinese College Students: A Preliminary Study. *Front Psychiatry*, 11, 352, 2020.
9. **Q. Meng, J. Zhang, J. Kang, Y. Wu.** Effects of sound environment on the sleep of college students in China. *Sci Total Environ*, 705, 2020.
10. **R. K. Mwape, D. Mulenga.** Consumption of Energy Drinks and Their Effects on Sleep Quality among Students at the Copperbelt University School of Medicine in Zambia. *Sleep Disord*, 2019.

THỰC TRẠNG CHẤT LƯỢNG GHI CHÉP HỒ SƠ BỆNH ÁN TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỒNG ĐA - HÀ NỘI NĂM 2022

Phan Văn Ký¹, Lê Thanh Hải¹, Mai Xuân Hà¹,
Lê Thúy Hòa¹, Dương Thị Thúy Hà¹

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Hồ sơ bệnh án (HSBA) là một phương tiện quan trọng để trao đổi thông tin điều trị, tài liệu khoa học về chuyên môn kỹ thuật, chứng từ tài chính và cũng là tài liệu pháp y. Thời gian qua Bệnh viện Đa Khoa Đồng Đa chưa có nhiều nghiên cứu sâu đánh giá chất lượng HSBA, do vậy chúng tôi thực hiện nghiên cứu. **Số liệu và phương pháp nghiên cứu:** Toàn bộ HSBA nội trú đã ra viện từ tháng 4 đến tháng 6/2022 được kiểm tra và lưu tại KHTH theo qui định. Xây dựng công cụ thu thập thông tin theo Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19/9/1997 năm 2001 về "Quy chế bệnh viện". 45 tiêu mục được đánh giá tiêu chí đạt và không đạt. Số liệu được xử lý bằng google sheet và SPSS 22.0. **Kết quả:** Kết quả nghiên cứu trên 245 HSBA cho thấy có 29/ 39 nội dung có tỷ lệ ghi chép đạt 90% trở lên, có 09 nội dung đạt tuyệt đối (100%). Những nội dung ghi chép có tỷ lệ đạt thấp: Bác sĩ trưởng khoa đi buồng thăm khám bệnh và ghi hồ sơ (52,6%); Người bệnh phẫu thuật/ thủ thuật hoàn thiện đủ các biểu mẫu liên quan và các biểu mẫu phải có đầy đủ chữ ký theo quy định (67,2%); Ghi dặn dò người bệnh khi ra viện (72,8%); Sơ kết 15 ngày điều trị (67,8%). Kết quả chung chất lượng chi chép HSBA đạt 81%, không đạt 19%. **Kết luận và khuyến nghị:** Từ kết quả nghiên cứu chúng tôi thấy còn gần

20% chưa đạt yêu cầu chất lượng ghi chép HSBA, do vậy khuyến nghị với khoa Ngoại và Bệnh viện đẩy mạnh công tác quản lý, kiểm tra, giám sát, ghi chép HSBA thời gian tới.

Từ khóa: Hồ sơ bệnh án, Báo cáo y tế, Y lệnh điều trị

SUMMARY

CURRENT SITUATION OF MEDICAL RECORD QUALITY AT SURGICAL DEPARTMENT OF DONG DA GENERAL HOSPITAL, HANOI IN 2022

Background: The medical record (MR) is an important documentation for exchanging the treatment information, scientific research, financial issue and also forensic purpose. Recently, Dong Da General Hospital has not had many in-depth studies to evaluate the quality of MR, so we carried out the study. **Materials and methods:** All MR of inpatient well completed the information when the patients discharging from April to June 2022 stored at the Department of General Planning according to regulations were enrolled. Tool to collect information was designed bases on Decision No. 1895/1997/QĐ-BYT dated September 19, 1997, 2001 on "Hospital Regulations". 45 items are assessed pass and fail criterias. The data were processed by google sheet and SPSS 22.0. **Results:** There are 29/39 assessed items with criteria pass accounted for 90%, of them, 09 items with absolute score (100%). The items with a low rate of pass were: The head of department visited the patients and noted in MR accounted for (52.6%); Patients with surgery/procedure complete all necessary forms and the forms must have full

¹Bệnh viện Đa khoa Đồng Đa

Chịu trách nhiệm chính: Lê Thanh Hải

Email: lthanhai567@gmail.com

Ngày nhận bài: 4.01.2023

Ngày phản biện khoa học: 21.2.2023

Ngày duyệt bài: 8.3.2023